

CÔNG TY CỔ PHẦN VNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/2023/CBTT-VNG

Tp. HCM, ngày 24 tháng 10 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công Ty Cổ Phần VNG thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (“BCTC bán niên riêng năm 2023”) đã được soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: VNZ
- Địa chỉ: Z06 Đường Số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 3962388 Fax:
- Email:..... Website: <https://vng.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên riêng năm 2023 đã được soát xét
BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC bán niên riêng năm 2023 đã được soát xét):
 Có Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 Có Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC bán niên riêng năm 2023 đã được soát xét):



Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 24/10/2023 tại đường dẫn: <https://vng.com.vn/news/shareholders/cbtt-bao-cao-tai-chinh-ban-nien-2023.html>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2022:

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: *(Không có)*
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) *(căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất)*;
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

349
ĐNG
3 PH
7N
5 HỒ

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên riêng năm 2023 đã được soát xét
- Văn bản giải trình số: 1703/2023/CV-VNG

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



TRẦN VĂN KHÁNH GIANG



Công ty Cổ phần VNG

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần VNG

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần VNG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 55

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần VNG (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ nghiên cứu và phát triển phần mềm, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ điều hành và phân phối các trò chơi trực tuyến;
- ▶ quảng cáo trực tuyến;
- ▶ thương mại điện tử;
- ▶ sản xuất linh kiện, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị viễn thông;
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet: các dịch vụ thông tin qua điện thoại, dịch vụ viễn thông khác không có hạ tầng mạng, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06, Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Sỹ Nhân	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023
Ông Lê Hồng Minh	Thành viên	miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch ngày 1 tháng 1 năm 2023
Ông Vương Quang Khải	Thành viên	
Bà Christina Gaw	Thành viên	
Ông Edphawin Jetjirawat	Thành viên	
Ông Nguyễn Lê Quốc Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Trương Thị Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Tổng Giám đốc
Ông Vương Quang Khải	Đồng sáng lập, Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cấp cao
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng giám đốc Công nghệ
Ông Wong Kelly Yin Hon	Phó Tổng Giám đốc Khối Trò chơi Trực tuyến
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần VNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 24 tháng 10 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:


Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 10 năm 2023

Số tham chiếu: 11537012/66926640-LR-R

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần VNG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") được lập ngày 24 tháng 10 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 55, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

10/10/2023

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 10 năm 2023

ERNST & YOUNG

10/24/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.789.747.420.489	2.052.540.840.876
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.732.394.370.474	925.574.551.452
111	1. Tiền		519.204.370.474	555.344.551.452
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.213.190.000.000	370.230.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		15.000.000.000	15.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	15.000.000.000	15.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		899.032.430.382	946.949.453.943
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	286.703.085.580	436.083.973.826
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	23.966.391.748	290.459.571.517
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	594.286.378.016	222.329.333.562
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3	(5.923.424.962)	(1.923.424.962)
140	IV. Hàng tồn kho		8.720.879.962	11.206.694.211
141	1. Hàng tồn kho	8	9.619.697.115	12.081.510.816
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	(898.817.153)	(874.816.605)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		134.599.739.671	153.810.141.270
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	119.061.288.507	138.272.714.858
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.024.752	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	15.537.426.412	15.537.426.412
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.252.708.168.581	2.988.717.847.194
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.834.154.487	4.541.990.487
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	4.834.154.487	4.541.990.487
220	II. Tài sản cố định		741.425.154.410	761.493.116.822
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	589.548.457.249	621.098.099.292
222	Nguyên giá		920.463.054.992	924.371.995.524
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(330.914.597.743)	(303.273.896.232)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	151.876.697.161	140.395.017.530
228	Nguyên giá		749.866.444.847	715.846.513.068
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(597.989.747.686)	(575.451.495.538)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		15.926.432.088	24.932.298.056
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	15.926.432.088	24.932.298.056
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	2.345.465.391.432	2.030.967.486.836
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	4.243.868.044.366	3.546.068.040.866
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	13.2	1.183.700.828.447	1.297.602.462.685
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	13.3	(3.082.103.481.381)	(2.812.703.016.715)
260	V. Tài sản dài hạn khác		145.057.036.164	166.782.954.993
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	145.057.036.164	166.782.954.993
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.042.455.589.070	5.041.258.688.070

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.176.366.995.467	2.331.460.443.478
310	I. Nợ ngắn hạn		3.162.379.190.113	2.317.503.358.611
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	1.492.258.943.214	1.497.446.627.573
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.734.894.341	93.758.829.258
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	165.510.728.559	49.079.187.003
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	878.652.938.572	533.771.173.616
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	27.197.982.000	14.874.652.397
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	100.564.777.712	128.572.888.764
320	7. Vay ngắn hạn	19	496.458.925.715	-
330	II. Nợ dài hạn		13.987.805.354	13.957.084.867
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	499.355.674	499.355.674
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	20	13.488.449.680	13.457.729.193
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	21	2.866.088.593.603	2.709.798.244.592
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.866.088.593.603	2.709.798.244.592
411	1. Vốn cổ phần		358.442.620.000	358.442.620.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.133.299.050.771	1.133.299.050.771
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.264.419.931.578)	(1.264.419.931.578)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.638.766.854.410	2.482.476.505.399
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.482.476.505.399	2.628.117.477.641
421b	- Lợi nhuận (lỗ) kỳ này		156.290.349.011	(145.640.972.242)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.042.455.589.070	5.041.258.688.070

Hoàng Thị Huệ
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng

Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	2.576.166.246.705	2.339.342.311.928
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	2.576.166.246.705	2.339.342.311.928
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(1.516.090.399.986)	(1.349.953.203.264)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.060.075.846.719	989.389.108.664
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	350.179.043.277	160.617.692.725
22	6. Chi phí tài chính	24	(273.445.480.040)	(600.624.804.559)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	24	(3.798.324.605)	-
25	7. Chi phí bán hàng	25	(518.512.317.118)	(594.910.157.172)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(438.968.236.227)	(447.392.309.964)
30	9. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		179.328.856.611	(492.920.470.306)
31	10. Thu nhập khác	26	1.693.730.103	2.420.789.614
32	11. Chi phí khác	26	(24.732.237.703)	(4.235.759.221)
40	12. Lỗ khác	26	(23.038.507.600)	(1.814.969.607)
50	13. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		156.290.349.011	(494.735.439.913)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	-	-
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.3	-	(9.697.051.024)
60	16. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		156.290.349.011	(504.432.490.937)

Hoàng Thị Huệ
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng

Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		156.290.349.011	(494.735.439.913)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	73.125.519.560	73.687.706.685
03	Các khoản dự phòng		273.424.465.214	601.996.130.085
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		246.690.769	318.962.879
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(336.075.944.416)	(153.209.293.085)
06	Chi phí lãi vay	24	3.798.324.605	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		170.809.404.743	28.058.066.651
09	Giảm các khoản phải thu		43.710.261.315	613.237.557.015
10	Giảm hàng tồn kho		2.461.813.701	5.094.445.836
11	Tăng các khoản phải trả		343.457.511.298	310.738.201.712
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		40.937.345.180	(8.392.675.551)
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.411.732.101)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		597.964.604.136	948.735.595.663
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(52.796.331.485)	(101.656.330.354)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		376.863.969	658.225.827
24	Thu thuần tiền gửi kỳ hạn ngân hàng		-	271.430.000.000
25	Tiền chi đầu tư vào công ty con và công ty liên kết		(697.800.003.500)	(1.775.671.217.878)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết		113.901.634.238	-
27	Tiền lãi và lợi nhuận đã nhận		339.925.319.515	154.309.943.620
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(296.392.517.263)	(1.450.929.378.785)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền nhận đặt cọc mua cổ phần		8.724.030.000	4.273.240.000
33	Tiền thu từ đi vay	19	496.458.925.715	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		505.182.955.715	4.273.240.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		806.755.042.588	(497.920.543.122)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		925.574.551.452	614.735.282.090
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		64.776.434	(318.962.879)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	1.732.394.370.474	116.495.776.089

Hoàng Thị Huệ
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 10 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ nghiên cứu và phát triển phần mềm, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ điều hành và phân phối các trò chơi trực tuyến;
- ▶ quảng cáo trực tuyến;
- ▶ thương mại điện tử;
- ▶ sản xuất linh kiện, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị viễn thông;
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet: các dịch vụ thông tin qua điện thoại, dịch vụ viễn thông khác không có hạ tầng mạng, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06, Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 1.706 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.147 người).

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi hai (22) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
I. Công ty con trực tiếp						
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Ví Na ("VinaData")	99,986%	99,986%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ EPI ("EPI")	100,00%	100,00%	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông	Đang hoạt động
3.	Công ty TNHH VNG Online ("VNG Online")	100,00%	100,00%	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và sản xuất phần mềm các loại	Đang hoạt động
4.	Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Ví Na ("Vinanet")	99,50%	99,50%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông	Đang hoạt động
5.	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG ("VNGS")	100,00%	100,00%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
6.	Công ty TNHH Giải trí Long Đĩnh ("Long Đĩnh")	100,00%	100,00%	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần Zion ("Zion")	69,996%	69,996%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán	Đang hoạt động
8.	Công ty TNHH ZingPlay Việt Nam ("ZPS")	100,00%	100,00%	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
9.	Công ty Cổ phần A4B ("A4B")	69,80%	69,80%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính	Đang hoạt động
10.	Quỹ kiến tạo ước mơ ("DMF") (trước đây là Quỹ Từ thiện Cộng đồng Người Sử dụng Internet Việt Nam)	100,00%	100,00%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quỹ xã hội, tổ chức phi lợi nhuận	Đang hoạt động

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi hai (22) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
I. Công ty con trực tiếp (tiếp theo)						
11.	Công ty TNHH Verichains ("Verichains")	100,00%	100,00%	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
12.	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VTH ("VTH") (*)	100,00%	100,00%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư xây dựng, kinh Doanh hạ tầng khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng	Trước hoạt động
II. Công ty con gián tiếp						
1.	Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh ("MPT")	100,00%	100,00%	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
2.	Công ty TNHH VNG Data Center ("VNG DC")	99,986%	100,00%	Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
3.	VNG Singapore Pte. Ltd. ("VNG Singapore")	99,986%	100,00%	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi	Đang hoạt động
4.	VNG Myanmar Company Limited ("VNG Myanmar")	99,986%	100,00%	Thành phố Yangon, Myanmar	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
5.	MLT Hong Kong Limited ("MLT HK") (*)	100,00%	100,00%	Hong Kong	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động
6.	VNG Games Co., Ltd ("VNG Games")	99,986%	100,00%	Thành phố Bangkok, Thái Lan	Phát triển và cập nhật game online và game trên điện thoại	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần XFM ("XFM")	99,98%	99,98%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
8.	ZingPlay International Pte. Ltd. ("ZPI")	99,986%	100,00%	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính	Đang hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi hai (22) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
II.	Công ty con gián tiếp (tiếp theo)					
9.	Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn ("Thanh Sơn")	69,996%	100,00%	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thẻ trò chơi và thẻ viễn thông	Đang hoạt động
10.	Công ty Cổ phần Adtima ("Adtima")	99,999%	99,999%	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
11.	Công ty Cổ phần Fiza ("Fiza")	99,997%	99,998%	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
12.	Cloudverse Pte. Ltd ("Cloudverse")	79,988%	80,00%	Singapore	Tư vấn công nghệ thông tin và dịch vụ lưu trữ	Đang hoạt động
13.	Công ty Cổ phần Mixus ("Mixus")	99,93%	99,93%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
14.	VNG Investment Pte. Ltd. ("VNG Investment")	100,00%	100,00%	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính	Đang hoạt động
15.	KMZ Interactive Entertainment (Shenzhen) Co., Ltd. ("KMZ") (*)	99,986%	100,00%	Trung Quốc	Dịch vụ công nghệ thông tin	Trước hoạt động
16.	Verichains SG Pte. Ltd ("Verichains SG")	100,00%	100,00%	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính	Đang hoạt động
17.	Instantiapay Holdings Pte. Ltd. ("Instpay Hoico") (*)	100,00%	100,00%	Singapore	Công ty đầu tư	Trước hoạt động
18.	Instantiapay SG Pte. Ltd. ("Instpay SG") (*)	100,00%	100,00%	Singapore	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Trước hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi hai (22) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
II.	Công ty con gián tiếp (tiếp theo)					
19.	Instantiapay Pty Ltd ("Instpay AU") (*)	100,00%	100,00%	Úc	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Trước hoạt động
20.	Instantiapay Limited ("Instpay UK") (*)	100,00%	100,00%	Vương quốc Anh	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Trước hoạt động
21.	Instantiapay Limited ("Instpay HK") (*)	100,00%	100,00%	Hồng Kông	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Trước hoạt động
22.	YoPlatform FZE (*)	100,00%	100,00%	Dubai	Dịch vụ trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động

(*) Các công ty trên đang ở giai đoạn trước hoạt động, nghĩa là đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có bốn (4) công ty liên kết trực tiếp và bốn (4) công ty liên kết gián tiếp với chi tiết như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh chính</i>
I.	<i>Công ty liên kết trực tiếp</i>				
1.	Công ty Cổ phần DayOne ("Day One")	27,27%	27,27%	Tp. Hà Nội, Việt Nam	Thương mại điện tử
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")	24,93%	24,93%	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
3.	Nhóm công ty Funding Asia Group Pte. Ltd ("Funding Asia")	3,80%	4,88%	Singapore	Kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng tài chính số
4.	Telio Pte. Ltd ("Telio")	16,67%	16,67%	Singapore	Công ty đầu tư
II.	<i>Công ty liên kết gián tiếp</i>				
1.	Tiki Global Pte. Ltd ("Tiki Global")	14,61%	14,61%	Singapore	Công ty đầu tư
2.	Beijing Youtu Interactive Co., Ltd ("Beijing Youtu")	14,00%	14,00%	Tp. Beijing, Trung Quốc	Phân phối bản quyền trò chơi điện tử
3.	Rocketeer Holding Limited ("Rocketeer")	11,25%	11,25%	Đảo Cayman	Công ty đầu tư
4.	OpenCommerce Holding Pte. Ltd. ("OCG")	11,16%	11,16%	Singapore	Thương mại điện tử

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 24 tháng 10 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Khu Chế Xuất Tân Thuận Đông số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong thời hạn 28 năm và số 078/TTC-NV.16 vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 trong thời hạn 25 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí dự án hay chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 5 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

Chi phí nghiên cứu và triển khai

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Công ty đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau:

- ▶ Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Công ty dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Công ty có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó;
- ▶ Tài sản cố định vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- ▶ Công ty có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và
- ▶ Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó.

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển đã được hoàn thành và tài sản cố định vô hình đã sẵn sàng để sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ

Công ty ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển thì được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm:

Trò chơi và phần mềm dở dang

Trò chơi và phần mềm dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tài sản dở dang

Tài sản dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc mua sắm tài sản và xây dựng dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt thiết bị và các chi phí phát sinh trực tiếp khác cho đến khi tài sản được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Công ty không trích khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho đến khi tài sản sẵn sàng để đưa vào sử dụng.

3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt trong kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

3.15 Nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này tại Thuyết minh số 31 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu trò chơi trực tuyến

Doanh thu được ghi nhận khi thẻ và/ hoặc mã số thẻ trò chơi trực tuyến hoặc tin nhắn được bán cho người sử dụng theo như quy định của Công văn số 7932/BTC-CĐKT ngày 27 tháng 6 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành.

Doanh thu trò chơi trực tuyến bao gồm khoản chiết khấu trên mệnh giá của thẻ. Công ty ghi nhận doanh thu trên cơ sở thuần sau khi trừ các khoản chiết khấu cho các nhà phân phối.

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Công ty, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức banner, các địa chỉ kết nối và biểu tượng, v.v và được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng tương ứng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.18 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, chi phí triển khai và điều hành trò chơi, các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ trên cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	376.849.929	281.604.271
Tiền gửi ngân hàng (*)	518.827.520.545	555.062.947.181
Các khoản tương đương tiền (**)	<u>1.213.190.000.000</u>	<u>370.230.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.732.394.370.474</u>	<u>925.574.551.452</u>

(*) Một phần tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 đang được dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng của một bên liên quan.

(**) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và được hưởng lãi suất dao động từ 0,2% đến 5,0%/năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm và được hưởng lãi suất dao động từ 1,2% đến 8,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu khách hàng	107.301.108.495	109.494.083.536
Tổng Công ty Viễn thông Viettel - Chi nhánh		
Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội	25.055.145.771	26.805.059.786
Apple Inc.	22.754.805.346	8.472.441.000
Trung tâm Dịch vụ Số Mobifone – Chi nhánh		
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	18.154.525.187	23.094.966.158
Phải thu khách hàng khác	41.336.632.191	51.121.616.592
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 29)	179.401.977.085	326.589.890.290
TỔNG CỘNG	286.703.085.580	436.083.973.826
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	(1.923.424.962)	(1.923.424.962)
GIÁ TRỊ THUẦN	284.779.660.618	434.160.548.864

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho người bán	10.466.391.748	2.067.329.949
Công ty TNHH Đại học Fulbright Việt Nam	1.544.000.000	-
Công ty CPTM Dịch vụ Du lịch Bayon	1.356.297.300	-
Trả trước cho người bán khác	7.566.094.448	2.067.329.949
Trả trước cho các bên liên quan <i>(Thuyết minh số 29)</i>	13.500.000.000	288.392.241.568
TỔNG CỘNG	23.966.391.748	290.459.571.517
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(4.000.000.000)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	19.966.391.748	290.459.571.517

6.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết tình hình tăng dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	1.923.424.962	1.374.841.230
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	4.000.000.000	1.452.876.404
Số cuối kỳ	<u>5.923.424.962</u>	<u>2.827.717.634</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	594.286.378.016	222.329.333.562
Tạm ứng góp vốn vào công ty con	475.439.098.400	-
Tạm ứng cho nhân viên	109.765.357.423	116.521.485.793
Chi hộ	5.467.412.217	100.886.867.200
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	786.354.000	1.082.618.000
Tiền lãi phải thu	428.399.931	341.973.425
Khác	2.399.756.045	3.496.389.144
Dài hạn – Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	4.834.154.487	4.541.990.487
TỔNG CỘNG	599.120.532.503	226.871.324.049
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	479.359.697.947	99.356.867.200
<i>Phải thu các bên khác</i>	119.760.834.556	127.514.456.849

8. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	6.775.784.111	-	8.715.465.129	-
Hàng khuyến mãi	2.843.913.004	(898.817.153)	3.366.045.687	(874.816.605)
TỔNG CỘNG	9.619.697.115	(898.817.153)	12.081.510.816	(874.816.605)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	874.816.605	1.384.184.253
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	24.000.548	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(153.590.892)
Số cuối kỳ	<u>898.817.153</u>	<u>1.230.593.361</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	119.061.288.507	138.272.714.858
Chi phí dịch vụ trả trước	88.050.453.883	93.562.812.893
Phí bản quyền phần mềm	21.359.720.989	36.932.475.338
Phí bản quyền âm nhạc	9.651.113.635	6.764.090.568
Khác	-	1.013.336.059
Dài hạn	145.057.036.164	166.782.954.993
Tiền thuê đất trả trước (*)	79.634.116.837	81.923.107.647
Công cụ, dụng cụ	25.797.767.385	35.928.034.740
Phí bản quyền âm nhạc	22.112.173.694	26.290.485.742
Chi phí sửa chữa văn phòng	14.194.379.374	20.151.684.618
Khác	3.318.598.874	2.489.642.246
TỔNG CỘNG	<u>264.118.324.671</u>	<u>305.055.669.851</u>

(*) Khoản này được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty theo Hợp đồng Số 0024/2375/TCDN03 ngày 24 tháng 4 năm 2023 (Thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tài và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	657.061.467.139	35.744.804.806	38.839.595.567	141.138.922.725	51.587.205.287	924.371.995.524
Mua trong kỳ	-	-	-	1.470.890.943	-	1.470.890.943
Thanh lý	-	-	-	(5.246.613.292)	(133.218.183)	(5.379.831.475)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	657.061.467.139	35.744.804.806	38.839.595.567	137.363.200.376	51.453.987.104	920.463.054.992
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	-	35.744.804.806	10.752.867.273	63.442.922.871	49.876.253.468	159.816.848.418
Giá trị khấu hao lũy kế						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(101.752.375.924)	(35.744.804.806)	(20.619.075.565)	(94.263.391.667)	(50.894.248.270)	(303.273.896.232)
Khấu hao trong kỳ	(15.515.737.187)	-	(4.944.655.349)	(12.286.853.623)	(224.830.310)	(32.972.076.469)
Thanh lý	-	-	-	5.198.156.775	133.218.183	5.331.374.958
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	(117.268.113.111)	(35.744.804.806)	(25.563.730.914)	(101.352.088.515)	(50.985.860.397)	(330.914.597.743)
Giá trị còn lại						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	555.309.091.215	-	18.220.520.002	46.875.531.058	692.957.017	621.098.099.292
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	539.793.354.028	-	13.275.864.653	36.011.111.861	468.126.707	589.548.457.249
Trong đó:						
Tài sản sử dụng làm tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 19)	539.793.354.028	-	-	-	-	539.793.354.028

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Bản quyền phần mềm</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	711.509.391.204	4.337.121.864	715.846.513.068
Mua trong kỳ	32.720.831.779	-	32.720.831.779
Đầu tư XDCB hoàn thành	23.178.500.000	-	23.178.500.000
Xóa sổ	<u>(21.879.400.000)</u>	<u>-</u>	<u>(21.879.400.000)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>745.529.322.983</u>	<u>4.337.121.864</u>	<u>749.866.444.847</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	520.448.039.874	4.337.121.864	524.785.161.738
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(571.898.373.673)	(3.553.121.865)	(575.451.495.538)
Hao mòn trong kỳ	(39.369.443.092)	(783.999.999)	(40.153.443.091)
Xóa sổ	17.615.190.943	-	17.615.190.943
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>(593.652.625.822)</u>	<u>(4.337.121.864)</u>	<u>(597.989.747.686)</u>
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>139.611.017.531</u>	<u>783.999.999</u>	<u>140.395.017.530</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>151.876.697.161</u>	<u>-</u>	<u>151.876.697.161</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Phần mềm đang hoàn thiện	14.160.625.000	23.178.500.000
Dự án Campus	1.765.807.088	1.753.798.056
TỔNG CỘNG	<u>15.926.432.088</u>	<u>24.932.298.056</u>

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Đầu tư vào công ty con <i>(Thuyết minh số 13.1)</i>	4.243.868.044.366	3.546.068.040.866
Đầu tư vào công ty liên kết <i>(Thuyết minh số 13.2)</i>	<u>1.183.700.828.447</u>	<u>1.297.602.462.685</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.427.568.872.813</u>	<u>4.843.670.503.551</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn <i>(Thuyết minh số 13.3)</i>	<u>(3.082.103.481.381)</u>	<u>(2.812.703.016.715)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>2.345.465.391.432</u>	<u>2.030.967.486.836</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Zion (i)	69,996	2.964.756.980.550	69,98	2.962.756.977.050	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán
VinaData (ii)	99,986	703.100.000.000	99,94	187.100.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin
VTH (iii)	100,00	180.000.000.000	100,00	200.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư xây dựng, kinh Doanh hạ tầng khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng
Vinanet	99,50	124.073.818.913	99,50	124.073.818.913	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông
Verichains	100,00	114.502.400.000	100,00	114.502.400.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại
VNGS	100,00	60.000.000.000	100,00	60.000.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại
EPI	100,00	51.433.844.903	100,00	51.433.844.903	Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông
Long Đĩnh	100,00	20.000.000.000	100,00	20.000.000.000	Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến
A4B	69,80	15.001.000.000	69,80	15.001.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
ZPS	100,00	10.000.000.000	100,00	10.000.000.000	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến
VNG Online	100,00	1.000.000.000	100,00	1.000.000.000	Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và sản xuất phần mềm các loại
DMF	100,00	-	100,00	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quý xã hội, tổ chức phi lợi nhuận
TỔNG CỘNG		4.243.868.044.366		3.546.068.040.866		
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.904.644.879.677)		(2.667.774.952.268)		
GIÁ TRỊ THUẬN		1.339.223.164.689		878.293.088.598		

(i) Vào ngày 16 tháng 6 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào Zion với giá trị là 2.000.003.500 VND để tăng tỷ lệ sở hữu trong Zion từ 69,98% lên 69,996%.

(ii) Vào ngày 29 tháng 5 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào VinaData với giá trị là 516.000.000 VND để tăng tỷ lệ sở hữu trong VinaData từ 99,94% lên 99,986%.

(iii) Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc góp đủ vốn điều lệ vào VTH với giá trị là 179.800.000 VND để tăng vốn góp tại VTH từ 200.000.000 VND lên 180.000.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VND		
Telio (i)	16,67	515.273.409.170	16,70	515.273.409.170	Singapore	Công ty đầu tư
Funding Asia (ii)	3,8	398.648.069.622	5,11	512.549.703.860	Singapore	Kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng tài chính số
DayOne	27,27	138.120.000.000	27,27	138.120.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại điện tử
Ecotruck (iii)	24,93	131.659.349.655	25,00	131.659.349.655	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
TỔNG CỘNG		1.183.700.828.447		1.297.602.462.685		
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(177.458.601.704)		(144.928.064.447)		
GIÁ TRỊ THUẬN		1.006.242.226.743		1.152.674.398.238		

(i) Vào ngày 29 tháng 3 năm 2023, Telio đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính nhằm tăng vốn, tuy nhiên Công ty không tham gia. Theo đó, phần vốn chủ sở hữu của Công ty đối với Telio bị pha loãng còn 16,67%.

(ii) Vào ngày 15 tháng 5 năm 2023, Funding Asia đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính nhằm tăng vốn, tuy nhiên Công ty không tham gia. Theo đó, phần vốn chủ sở hữu của Công ty đối với Funding Asia bị pha loãng còn 4,88%. Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã hoàn tất thanh lý một phần vốn đầu tư trong Funding Asia cho VNG Singapore với giá trị là 113.901.634.238 VND. Theo đó, phần vốn chủ sở hữu của Công ty đối với Funding Asia giảm còn 3,8%.

(iii) Vào ngày 25 tháng 5 năm 2023, Ecotruck đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính nhằm tăng vốn tuy nhiên Công ty không tham gia. Theo đó, phần vốn chủ sở hữu của Công ty đối với Ecotruck bị pha loãng còn 24,93%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.3 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Chi tiết tăng (giảm) các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	2.812.703.016.715	1.540.806.270.170
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	271.675.938.038	595.392.366.427
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.275.473.372)	-
Số cuối kỳ	<u>3.082.103.481.381</u>	<u>2.136.198.636.597</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả người bán	52.722.369.323	271.573.944.753
Season Games Corporation Limited	21.232.131.584	98.729.387.080
Phải trả người bán khác	31.490.237.739	172.844.557.673
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)	1.439.536.573.891	1.225.872.682.820
TỔNG CỘNG	<u>1.492.258.943.214</u>	<u>1.497.446.627.573</u>

15. THUẾ

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.537.426.412)	-	-	(15.537.426.412)
Thuế giá trị gia tăng	31.712.513.401	306.675.536.288	(198.453.226.839)	139.934.822.850
Thuế nhà thầu nước ngoài	9.917.115.239	144.214.256.744	(133.794.811.039)	20.336.560.944
Thuế thu nhập cá nhân	7.449.558.363	92.530.143.475	(94.740.357.073)	5.239.344.765
TỔNG CỘNG	<u>33.541.760.591</u>	<u>543.419.936.507</u>	<u>(426.988.394.951)</u>	<u>149.973.302.147</u>
Trong đó:				
Phải nộp	49.079.187.003			165.510.728.559
Phải thu	(15.537.426.412)			(15.537.426.412)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phí bản quyền phần mềm	569.639.462.078	199.447.479.690
Chi phí lương	118.532.041.097	233.779.880.228
Chi phí quảng cáo	102.623.827.796	29.390.172.370
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.792.089.657	8.574.290.913
Băng thông và đường truyền	13.817.503.876	8.867.963.487
Chi phí phải trả khác	58.248.014.068	53.711.386.928
TỔNG CỘNG	<u>878.652.938.572</u>	<u>533.771.173.616</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả bên khác</i>	567.893.014.619	409.930.007.322
<i>Chi phí phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	310.759.923.953	123.841.166.294

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện tiền nhận trước từ khách hàng để thực hiện các dịch vụ quảng cáo.

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	100.564.777.712	128.572.888.764
Thuế nhà thầu nước ngoài	13.363.375.334	34.498.041.052
Nhận đặt cọc mua cổ phần	11.633.690.000	2.909.660.000
Kinh phí công đoàn	3.608.431.417	7.615.787.531
Khác	71.959.280.961	83.549.400.181
Dài hạn – Nhận đặt cọc	<u>499.355.674</u>	<u>499.355.674</u>
TỔNG CỘNG	<u>101.064.133.386</u>	<u>129.072.244.438</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho bên khác</i>	100.811.413.386	127.789.156.448
<i>Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	252.720.000	1.283.087.990

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND
Vay ngắn hạn (*)	-	<u>496.458.925.715</u>	<u>496.458.925.715</u>	

(*) Chi tiết khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại để thanh toán cho nhà cung cấp được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư cuối kỳ VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 9, số 10)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	<u>496.458.925.715</u>	từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 đến ngày 22 tháng 12 năm 2023	7,3% - 7,8%	Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 24, Tờ bản đồ số 31 (theo tài liệu đo năm 2023), tọa lạc tại Lô Z.03b-04 và Lô Z.05-06-07, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM.

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 46 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong Thuyết minh số 3.10.

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 *Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	358.442.620.000	1.133.299.050.771	(1.264.419.931.578)	2.628.117.477.641	2.855.439.216.834
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(504.432.490.937)	(504.432.490.937)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>358.442.620.000</u>	<u>1.133.299.050.771</u>	<u>(1.264.419.931.578)</u>	<u>2.123.684.986.704</u>	<u>2.351.006.725.897</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	358.442.620.000	1.133.299.050.771	(1.264.419.931.578)	2.482.476.505.399	2.709.798.244.592
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	156.290.349.011	156.290.349.011
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>358.442.620.000</u>	<u>1.133.299.050.771</u>	<u>(1.264.419.931.578)</u>	<u>2.638.766.854.410</u>	<u>2.866.088.593.603</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	35.844.262	35.844.262
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35.844.262	35.844.262
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.736.000	28.736.000
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.108.262	7.108.262

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	2.159.032.982.845	1.785.736.930.663
Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	300.431.752.694	422.928.093.666
Dịch vụ cho thuê	21.504.545.454	31.519.545.450
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	15.004.860.803	14.308.757.206
Doanh thu khác	80.192.104.909	84.848.984.943
TỔNG CỘNG	2.576.166.246.705	2.339.342.311.928
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	2.127.542.074.805	1.821.212.154.280
Doanh thu đối với bên liên quan	448.624.171.900	518.130.157.648

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Cổ tức được chia	334.000.000.000	148.990.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.167.297.256	6.307.749.105
Lãi tiền gửi	6.011.746.021	5.319.943.620
TỔNG CỘNG	350.179.043.277	160.617.692.725

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Phí bản quyền phần mềm	747.824.313.305	611.704.383.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	375.712.868.524	361.885.926.209
Chi phí nhân viên	347.204.030.137	330.418.157.510
Chi phí khấu hao và hao mòn	39.254.316.323	32.866.741.797
Chi phí khác	6.094.871.697	13.077.993.884
TỔNG CỘNG	1.516.090.399.986	1.349.953.203.264

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư dài hạn	269.400.464.666	595.392.366.427
Chi phí lãi vay	3.798.324.605	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	246.690.769	318.962.879
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	3.310.720.060
Các khoản khác	-	1.602.755.193
TỔNG CỘNG	273.445.480.040	600.624.804.559

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí bán hàng	518.512.317.118	594.910.157.172
Chi phí dịch vụ mua ngoài	467.422.143.958	456.529.822.557
Chi phí nhân viên	44.180.491.471	133.968.612.145
Chi phí khác	6.909.681.689	4.411.722.470
Chi phí quản lý doanh nghiệp	438.968.236.227	447.392.309.964
Chi phí nhân viên	268.803.472.450	188.170.193.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.526.351.650	175.070.552.745
Chi phí khấu hao và hao mòn	33.871.203.237	40.820.964.888
Công cụ, dụng cụ	29.499.942.749	33.476.977.619
Chi phí khác	10.267.266.141	9.853.621.345
TỔNG CỘNG	<u>957.480.553.345</u>	<u>1.042.302.467.136</u>

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Thu nhập khác	1.693.730.103	2.420.789.614
Lãi từ thanh lý công cụ, dụng cụ	143.824.175	1.520.799.997
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	328.407.452	502.104.658
Thu nhập khác	1.221.498.476	397.884.959
Chi phí khác	(24.732.237.703)	(4.235.759.221)
Chi phí bồi thường	(19.876.794.300)	-
Chi phí xóa sổ tài sản	(4.264.209.057)	-
Dự phòng suy giảm giá trị trò chơi trực tuyến	-	(4.234.217.169)
Chi phí khác	(591.234.346)	(1.542.052)
LỖ THUẬN KHÁC	<u>(23.038.507.600)</u>	<u>(1.814.969.607)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	939.661.364.132	993.486.301.511
Phí bản quyền phần mềm	747.824.313.305	611.704.383.864
Chi phí nhân viên	660.187.994.058	652.556.963.022
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10,11)	73.125.519.560	73.687.706.685
Công cụ, dụng cụ	29.499.942.749	33.541.535.354
Chi phí khác	23.271.819.527	27.278.779.964
TỔNG CỘNG	<u>2.473.570.953.331</u>	<u>2.392.255.670.400</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	9.697.051.024
TỔNG CỘNG	-	<u>9.697.051.024</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	<u>156.290.349.011</u>	<u>(494.735.439.913)</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	31.258.069.802	(98.947.087.983)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	3.119.736.065	- 13.050.268.091
Lỗ thuế chuyển sang các năm sau	21.060.471.389	115.680.059.533
Chi phí không được khấu trừ	11.361.722.744	9.711.811.383
Cổ tức được chia	(66.800.000.000)	(29.798.000.000)
Chi phí thuế TNDN	-	<u>9.697.051.024</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên (lỗ thuế) thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại và kỳ trước. (Lỗ thuế) thu nhập chịu thuế của Công ty khác với (lỗ) lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì (lỗ thuế) thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

28.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>		VND
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	
Chi phí phải trả	-	-	-	(2.931.185.343)	
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	-	-	(1.960.713.102)	
Dự phòng tổn thất tài sản	-	-	-	(4.249.050.761)	
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-	-	(274.968.246)	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	(276.836.851)	
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-	-	(4.296.721)	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-			
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-	(9.697.051.024)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do chưa ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

Chênh lệch tạm thời

	VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Lỗi thuế chuyển sang năm sau	1.687.458.842.981
Các chênh lệch tạm thời, trong đó:	
Chi phí phải trả	4.792.954.710
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	5.923.424.962
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	898.817.153
Dự phòng trợ cấp thôi việc	30.720.487
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(64.776.434)
TỔNG CỘNG	<u>1.699.039.983.859</u>

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.687.458.842.981 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.582.156.486.036 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2023	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023
2021 (*)	2026	254.223.078.671	-	254.223.078.671
2022 (*)	2027	1.327.933.407.365	-	1.327.933.407.365
2023 (**)	2028	105.302.356.945	-	105.302.356.945
TỔNG CỘNG		<u>1.687.458.842.981</u>	-	<u>1.687.458.842.981</u>

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(**) Lỗ tính thuế ước tính của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện mỗi kỳ kế toán thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Zion	Công ty con
VinaData	Công ty con
Vinanet	Công ty con
VNGS	Công ty con
EPI	Công ty con
Long Đình	Công ty con
A4B	Công ty con
ZPS	Công ty con
VNG Online	Công ty con
DMF	Công ty con
MPT	Công ty con
VNG DC	Công ty con
VNG Singapore	Công ty con
VNG Myanmar	Công ty con
MLT HK	Công ty con
VNG Games	Công ty con
XFM	Công ty con
ZPI	Công ty con
Thanh Sơn	Công ty con
Adtima	Công ty con
Fiza	Công ty con
Cloudverse	Công ty con
Mixus	Công ty con
Verichains	Công ty con
VTH	Công ty con
VNG Investment	Công ty con
KMZ	Công ty con
Verichains SG	Công ty con
Instpay Holco	Công ty con
Instpay SG	Công ty con
Instpay AU	Công ty con
Instpay UK	Công ty con
Instpay HK	Công ty con
YoPlatform FZE	Công ty con
Day One	Công ty liên kết
Ecotruck	Công ty liên kết
Funding Asia	Công ty liên kết
Telio	Công ty liên kết
Tiki Global	Công ty liên kết
Beijing Youtu	Công ty liên kết
Rocketeer	Công ty liên kết
OCG	Công ty liên kết
Công ty TNHH Ti Ki ("Tiki")	Công ty con của công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tencent Technology (Shenzhen) Company Limited ("Tencent Shenzhen") Tencent Technology (Shanghai) Co. Ltd ("Tencent Shanghai") Tencent Mobile International Ltd. ("Tencent Mobile") Proxima Beta Pte. Limited ("Proxima")	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Riot Games Services Pte Ltd. ("Riot")	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Aceville Pte. Ltd. ("Aceville")	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Công ty Cổ phần Công nghệ BigV	Bên liên quan do có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
VinaData	Công ty con	Góp vốn	516.000.000.000	-
		Thuê chỗ đặt máy chủ và thuê cước đường truyền	189.875.415.834	162.627.396.206
		Cung cấp dịch vụ	1.518.115.020	7.723.800
Thanh Sơn	Công ty con	Bán thẻ trò chơi trả trước	559.168.977.269	476.774.839.580
Zion	Công ty con	Tạm ứng góp vốn vào công ty con	475.439.098.400	-
		Sử dụng dịch vụ	20.369.337.445	15.610.967.344
		Doanh thu cho thuê	12.000.000.000	22.104.999.996
		Góp vốn	2.000.003.500	680.400.000.000
		Cung cấp dịch vụ	25.000.000	6.500.268.961
Adtima	Công ty con	Doanh thu phân chia	273.903.559.749	359.388.216.968
EPI	Công ty con	Cổ tức được chia	258.000.000.000	-
		Mua dịch vụ quảng cáo	43.404.333.645	56.039.467.887



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
VTH	Công ty con	Góp vốn	179.800.000.000	-
ZPS	Công ty con	Doanh thu phân chia	139.785.566.184	76.764.625.846
Riot	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	185.343.885.019	70.726.757.330
		Cung cấp dịch vụ quảng cáo	8.187.414.287	24.045.375
Proxima	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	117.072.166.802	184.954.951.044
		Cung cấp dịch vụ quảng cáo	7.909.642.577	-
MPT	Công ty con	Doanh thu phân chia	115.938.309.661	192.076.189.736
Funding Asia	Công ty liên kết	Hoàn trả đặt cọc	113.901.634.238	-
		Góp vốn	-	512.549.703.860
VNGS	Công ty con	Phí bản quyền trò chơi trực tuyến	105.134.878.292	-
		Cổ tức được chia	66.000.000.000	148.990.000.000
		Phí bản quyền phần mềm	59.594.382.939	98.088.708.259
		Doanh thu cho thuê	9.414.545.454	9.414.545.454
VNG Online	Công ty con	Mua dịch vụ quảng cáo	35.587.156.952	53.968.865.693
		Cổ tức được chia	10.000.000.000	-
Fiza	Công ty con	Doanh thu phân chia	22.833.884.410	15.683.240.750
Tencent Shenzhen	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	15.499.899.028	14.008.054.136
Aceville	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Sử dụng dịch vụ	11.531.376.751	12.456.727.801

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Mixus	Công ty con	Phí bản quyền âm nhạc	6.762.141.968	-
Long Đĩnh	Công ty con	Doanh thu phân chia	6.093.361.352	967.392.616
Telio	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ Góp vốn	220.822.886 -	- 515.273.409.170
Tencent Shanghai	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	77.280	1.071.671.438
Vinanet	Công ty con	Mua dịch vụ quảng cáo	-	6.519.695.000
Ecotruck	Công ty liên kết	Góp vốn	-	46.799.918.402
A4B	Công ty con	Góp vốn	-	15.001.000.000
Tencent Mobile	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	-	2.079.490.848
Tiki	Công ty con của công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	-	1.248.289.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Zion	Công ty con	Thu hộ Doanh thu cho thuê	92.551.583.300 2.227.500.000	193.193.640.700 8.159.166.666
Adtima	Công ty con	Doanh thu quảng cáo phân chia	52.804.117.927	89.704.041
Thanh Sơn	Công ty con	Bán thẻ trò chơi trả trước	12.782.550.000	113.940.375.000
Fiza	Công ty con	Doanh thu phân chia	9.429.458.140	5.810.365.979
Riot	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	6.214.032.832	-
Proxima	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	3.014.421.124	-
Vinanet	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	277.197.043	16.500.000
Mixus	Công ty con	Doanh thu phân chia	101.116.719	-
Tencent Mobile	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	-	5.371.458.970
VinaData	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	8.678.934
			179.401.977.085	326.589.890.290
Trả trước ngắn hạn cho người bán (Thuyết minh số 6.2)				
Vinanet	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	13.500.000.000	-
VinaData	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	-	288.392.241.568
			13.500.000.000	288.392.241.568

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</i>				
Zion	Công ty con	Tạm ứng góp vốn vào công ty con	475.439.098.400	-
		Chi hộ	1.255.299.594	351.309.799
VNG Singapore	Công ty con	Chi hộ	1.606.728.886	1.252.556.162
DMF	Công ty con	Chi hộ	296.659.889	162.924.880
Vinanet	Công ty con	Chi hộ	292.394.965	41.147.932
Thanh Sơn	Công ty con	Chi hộ	170.264.978	192.296.089
VinaData	Công ty con	Chi hộ	110.684.345	39.067.772
VTH	Công ty con	Chi hộ	-	97.243.297.110
Khác	Công ty con	Chi hộ	188.566.890	74.267.456
			<u>479.359.697.947</u>	<u>99.356.867.200</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)				
MPT	Công ty con	Thu hộ	413.941.404.279	340.843.460.173
ZPS	Công ty con	Thu hộ	348.684.951.532	233.963.354.315
VNGS	Công ty con	Phí bản quyền phần mềm	222.012.180.433	227.583.182.457
VinaData	Công ty con	Chi phí cước đường truyền	122.615.672.513	-
EPI	Công ty con	Sử dụng dịch vụ quảng cáo	118.132.967.039	107.770.729.007
VNG Online	Công ty con	Sử dụng dịch vụ quảng cáo	102.579.582.399	99.080.380.059
Tencent Shenzhen	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	40.997.494.558	7.568.929.644
Proxima	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	28.855.711.847	73.063.533.861
VNG Singapore	Công ty con	Thu hộ	20.738.472.518	20.935.620.861
Long Đình	Công ty con	Thu hộ	8.623.125.665	3.688.627.701
Mixus	Công ty con	Phí bản quyền phần mềm	7.978.389.056	4.800.000.000
Zion	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	4.366.940.052	6.209.263.490
Riot	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	-	88.467.684.777
Aceville	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Sử dụng dịch vụ	-	10.070.243.997
Các công ty khác		Sử dụng dịch vụ	9.682.000	1.827.672.478
			1.439.536.573.891	1.225.872.682.820
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Adtima	Công ty con	Danh thu chia sẻ dịch vụ quảng cáo	-	92.665.739.353

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 16)				
Riot	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	185.554.567.188	29.839.520.933
Proxima	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	85.094.097.210	62.227.711.685
Tencent Shenzhen	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	15.527.555.711	24.903.199.949
VNGS	Công ty con	Phí bản quyền phần mềm	10.026.856.125	-
Aceville	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Sử dụng dịch vụ	6.247.349.338	2.496.092.049
Zion	Công ty con	Chi phí phải trả	3.825.722.043	-
VinaData	Công ty con	Chi phí cước đường truyền	3.208.888.305	4.345.899.410
Long Đĩnh	Công ty con	Chi phí phải trả	1.066.848.663	-
Adtima	Công ty con	Chi phí phải trả	208.039.370	-
Tencent Shanghai	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	-	28.742.268
			310.759.923.953	123.841.166.294
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)				
DMF	Công ty con		-	30.367.990
Long Đĩnh	Công ty con		-	1.000.000.000
			-	1.030.367.990
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 18)				
Thanh Sơn	Công ty con	Ký quỹ	252.720.000	252.720.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc bao gồm lương và các chi phí liên quan như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc	8.169.160.000	11.370.467.952
Các thành viên Hội đồng Quản trị	2.597.036.000	1.915.311.500
Các thành viên Ban Kiểm soát	90.000.000	90.000.000
TỔNG CỘNG	<u>10.856.196.000</u>	<u>13.375.779.452</u>

30. CÁC CAM KẾT

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Dưới 1 năm	25.096.139.516	35.410.392.182
Từ 1 đến 5 năm	11.430.778.335	34.134.655.033
TỔNG CỘNG	<u>36.526.917.851</u>	<u>69.545.047.215</u>

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các cam kết liên quan đến việc thi công công trình, mua phí bản quyền trò chơi, mua sắm máy móc thiết bị và các cam kết khác được thể hiện như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Phí bản quyền trò chơi	43.333.680.000	63.695.040.000
Phí bản quyền tối thiểu	31.477.680.000	40.550.040.000
TỔNG CỘNG	<u>74.811.360.000</u>	<u>104.245.080.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo tài chính riêng giữa niên độ cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong thuyết minh bên dưới do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Chi tiết các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu như sau:

Chương trình quyền chọn mua cho nhà cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến

Công ty đã ký Hợp đồng Quyền chọn với một nhà cung cấp trò chơi trực tuyến vào ngày 1 tháng 8 năm 2010. Theo đó, nhà cung cấp trò chơi trực tuyến được cấp số lượng quyền mua cổ phiếu phổ thông của Công ty với mức giá đã được ấn định là 8,0678 USD/cổ phiếu.

Quyền mua cổ phiếu phổ thông đã được thỏa mãn với các điều kiện theo Hợp đồng Quyền chọn vào tháng 10 năm 2014, cho phép nhà cung cấp trò chơi trực tuyến có các quyền với 1.032.917 cổ phiếu phổ thông của Công ty với mức giá đã được ấn định. Nhà cung cấp trò chơi trực tuyến có quyền thực hiện một số hoặc tất cả các quyền chọn đó theo thời gian hoặc bất cứ lúc nào, với điều kiện là tất cả các quyền chọn được thực hiện trước hoặc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Vào năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, kỳ thực hiện này được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Vào ngày 14 tháng 11 năm 2022, theo các điều khoản của hợp đồng cập nhật, Công ty đã điều chỉnh nghĩa vụ chuyển giao cổ phiếu phổ thông theo Hợp đồng Quyền chọn cho một đơn vị khác. Theo đó, các cổ đông có quyền chọn nắm giữ số lượng cổ phiếu phổ thông do đơn vị mới chuyển giao sẽ được hưởng lợi ích kinh tế đáng kể theo Hợp đồng Quyền chọn ban đầu. Việc thực hiện quyền chọn thay thế sẽ phải tuân theo một số điều kiện vào một thời điểm nhất định.

Vào ngày 7 tháng 7 năm 2023, Công ty đã thực hiện tái cơ cấu vốn cổ phần bằng cách hủy bỏ một số lượng cổ phiếu quỹ mà Công ty đã mua lại trước đây (*Thuyết minh 33*). Theo đó, Tập đoàn và các cổ đông nắm giữ quyền chọn đã đồng ý thay đổi số lượng cổ phiếu phổ thông do đơn vị mới chuyển giao và gia hạn thời điểm hoàn tất sang một ngày cụ thể khác và không thay đổi tổng giá trị thực hiện.

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần II (“ESOP II”)

Công ty có ESOP II (quyền mua cổ phiếu với giá 20.000 VND/cổ phiếu) với tổng số quyền mua cổ phiếu là 3.551.232 và được cấp từ tháng 7 năm 2012 đến hết năm 2018.

1. Kế hoạch thực hiện

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 5 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên. Các quyền mua được cấp sau ngày 28 tháng 5 năm 2015 được thực hiện trong vòng 3 hoặc 4 năm kể từ ngày cấp đầu tiên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần II (“ESOP II”) (tiếp theo)

2. Các điều khoản

- (i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 20% tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Đối với quyền mua được cấp sau ngày 28 tháng 5 năm 2015, tỷ lệ này là 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua.
- (ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

3. Điều kiện

- (i) Nhân viên chỉ được quyền thực thi quyền mua cổ phiếu với điều kiện là vẫn đang làm việc tại Công ty tại thời điểm thực thi quyền mua cổ phiếu; tại bất kỳ thời điểm nào mà nhân viên ngừng làm việc tại Công ty vì bất kỳ lý do gì, mọi quyền chọn mua chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.
- (ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua đã cấp và giá thực hiện trong kỳ được trình bày như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	20.000	-	20.000	42.500
Thực hiện quyền mua trong kỳ	20.000	-	20.000	(42.500)
Số dư tại ngày 30 tháng 6		-		-

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần III (“ESOP III”)

Công ty có ESOP III (quyền mua cổ phiếu với giá 30.000 VND/cổ phiếu) với tổng số quyền mua cổ phiếu là 2.921.832 và được cấp từ tháng 7 năm 2018 đến hết năm 2023.

1. Kế hoạch thực hiện

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 3 hoặc 4 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên.

2. Các điều khoản

- (i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt) tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua.
- (ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần III (“ESOP III”) (tiếp theo)

3. Điều kiện

- (i) Nhân viên chỉ được quyền thực thi quyền mua cổ phiếu với điều kiện là vẫn đang làm việc tại Công ty tại thời điểm thực thi quyền mua cổ phiếu; tại bất kỳ thời điểm nào mà nhân viên ngừng làm việc tại Công ty vì bất kỳ lý do gì, mọi quyền chọn mua chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.
- (ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua đã cấp và giá thực hiện trong kỳ được trình bày như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	30.000	753.876	30.000	704.887
Cấp trong kỳ	30.000	585.828	30.000	389.680
Mất quyền mua trong kỳ	30.000	(17.049)	30.000	(17.837)
Thực hiện quyền mua trong kỳ	30.000	(290.908)	30.000	(114.150)
Số dư tại ngày 30 tháng 6		<u>1.031.747</u>		<u>962.580</u>

32. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngoại tệ:		
- USD	756.071	1.424.216
- CNY	-	9.472
- INR	330	330

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 7 năm 2023, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án hủy số cổ phần của Công ty tương ứng với tổng mệnh giá của 7.108.262 cổ phiếu quỹ mà Công ty đã mua lại trước đây. Vào ngày 13 tháng 7 năm 2023, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 42, và vào ngày 18 tháng 8 năm 2023, Công ty cũng đã nhận được Công văn Số 865/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho việc thay đổi vốn nói trên. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty giảm từ 358.442.620.000 VND xuống 287.360.000.000 VND tại ngày này.

Trong tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm cổ phiếu phát hành mới từ Zion với tổng giá trị là 209.800.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Zion tăng từ 69,996% lên 71,452%.

Trong tháng 9 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm cổ phiếu phát hành mới từ VinaData với tổng giá trị là 120.000.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong VinaData tăng từ 99,986% lên 99,988%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Hoàng Thị Huệ
Người lập



Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 10 năm 2023

